

Số: 241 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần 3F VIỆT

Thực hiện Quyết định số 385/QĐ-TTr ngày 17/9/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 26/9/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần 3F VIỆT; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 07/10/2024 và báo cáo giải trình ngày 21/10/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần 3F VIỆT (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: lầu 10, tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312885397 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/8/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/6/2022.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh: nông nghiệp (chăn nuôi gia súc, gia cầm).
- Điện thoại giao dịch: 02513839740; Fax: 0251.3839741.
- Số tài khoản 19036524423011, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần kỹ thương Việt Nam (Teckcombank).
- Tổng số chi nhánh/đơn vị hạch toán phụ thuộc: 03 chi nhánh.
- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 427 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở.
- Đã báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động để làm việc cho doanh nghiệp.
- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 277 người.
- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

(Chữ ký)

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a) Giao kết hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 427 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 427 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 190 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 237 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (Lê Thị Tươi, Đào Thị Mỹ Phương, Trịnh Thị Hồng Nhung, Nguyễn Ngọc Trâm Anh, Lê Mậu Khương Duy) mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo yêu cầu công việc cụ thể”.

b) Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc: 371 người, trong đó: 31 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, doanh nghiệp đã trả tiền trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 110.112.500 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Năm 2023, doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ theo quy định, tuy nhiên; chưa tổ chức đối thoại khi xây dựng thang lương, bảng lương các năm 2023, 2024; trong thời kỳ thanh tra tại doanh nghiệp không phát sinh đối thoại khi có yêu cầu.

- Doanh nghiệp đang thực hiện TULĐTT ký ngày 11/8/2022 (có thời hạn 03 năm), đã gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương ngày 15/8/2022, với nhiều nội dung có lợi cho người lao động so với quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp đã xây dựng, ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại Quyết định số 02/2023/QĐ-3FV ngày 08/6/2023 của Tổng giám đốc Công ty.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.960.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất của người lao động: 5.750.000 đồng/tháng; thu nhập cao nhất của người lao động: 180.000.000 đồng/tháng.

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (theo tháng).
- Doanh nghiệp trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng. Người sử dụng lao động trả chi phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

- Năm 2023, doanh nghiệp xây dựng và ban hành thang lương, bảng lương, định mức lao động (hiệu lực từ ngày 01/01/2023); năm 2024, doanh nghiệp xây dựng và ban hành thang lương, bảng lương, định mức lao động (hiệu lực từ ngày 01/7/2024).

- Việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: kiểm tra bảng chấm công, bảng lương tháng 9/2023 và tháng 4/2024 tại chi nhánh Đồng Nai, doanh nghiệp trả tiền lương làm thêm giờ và tiền lương làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.
- Đã thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động thôi việc theo quy định.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động: thực hiện theo quy định (không phát sinh khấu trừ trái luật).

- Tiền ăn ca: 40.000 đồng/người/ca đối với nhân viên làm việc tại nơi không tổ chức bếp ăn; từ 60.000 đồng/người/ca đối với nhân viên làm việc tại nơi có tổ chức bếp ăn.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời giờ làm việc theo tuần, không quá 10 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần (bộ phận văn phòng nghỉ ngày thứ 7 và chủ nhật; bộ phận sản xuất nghỉ 01 ngày trong tuần).

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ vượt quá thời gian theo quy định, cụ thể: kiểm tra bảng chấm công tháng 4/2024 tại chi nhánh Đồng Nai, doanh nghiệp huy động 65 người lao động làm thêm vượt quá 40 giờ/tháng (có danh sách kèm theo).

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên); số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 14 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đang áp dụng nội quy lao động đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương (thông báo việc đăng ký nội quy lao động ngày 24/11/2021); đã gửi nội quy lao động đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương nơi đặt chi nhánh của doanh nghiệp.

- Khoản 3 Điều 16 nội quy lao động quy định nơi làm việc nêu “nơi làm việc do phân công của người sử dụng lao động”.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: 0 vụ.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 168 người.

- Các quy định riêng đối với lao động nữ:

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: chưa thực hiện.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Tổng số người lao động cao tuổi: 01 người; không thỏa thuận rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày đối với người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên (Quyết định số 01/QĐ-ATVSV/2023 ngày 15/01/2023 của Giám đốc vận hành) gồm 11 người. Doanh nghiệp đã ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên và chi trả phụ cấp trách nhiệm mức 500.000 đồng/người/tháng.

- Số người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động: 15 người, trong đó 02 người làm công tác an toàn vệ sinh lao động chuyên trách; 13 người làm công tác an toàn vệ sinh bán chuyên trách tại trại chăn nuôi gia cầm.

- Đã bố trí 03 người, trình độ y sỹ làm công tác y tế tại 3 chi nhánh theo quy định.

- Tổng số các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động doanh nghiệp đang sử dụng: 07 máy, thiết bị (04 máy nén khí, 03 hệ thống lạnh) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, còn thời hạn kiểm định.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động lập sổ theo dõi cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân; chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động: đo tổng số 520 mẫu, 100% mẫu đạt tiêu chuẩn.

- Việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh của người lao động và không có chữ ký của người lập sổ.

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN)

- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 426 người.

+ Số người đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 426 người (03 lao động đang nghỉ chế độ thai sản, 10 lao động tăng tháng 9/2024).

+ Số người chưa tham gia : 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 01 người (đang hưởng chế độ hưu trí, doanh nghiệp đã trả góp khoản tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT trong mức lương công việc hoặc chức danh người lao động, thỏa thuận trong hợp đồng lao động).

- Số tiền chậm đóng BHXH tại thời điểm ngày 30/8/2024: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

- 1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.
- 1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.
- 1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho 31 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền 110.112.500 đồng.
- 1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.
- 1.8. Gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.9. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.
- 1.10. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng, người sử dụng lao động trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.
- 1.11. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.
- 1.12. Đã hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động.
- 1.13. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.
- 1.14. Áp dụng nội quy lao động đã được đăng ký với Cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.15. Trong kỳ thanh tra, không phát sinh việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, bồi thường trách nhiệm vật chất.
- 1.16. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.
- 1.17. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; xây dựng quy chế hoạt động và chi trả phụ cấp cho an toàn, vệ sinh viên.
- 1.18. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và người làm công tác y tế theo quy định.
- 1.19. Đã kiểm định kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động 07/07 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, còn thời hạn; tổ chức quan trắc môi trường lao động.
- 1.20. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.
- 1.21. Đã trang bị và lập sổ theo dõi cấp, phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- 1.22. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- 1.23. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.
- 1.24. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.
- 1.25. Đã trích đóng đầy đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN cho cơ quan BHXH.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

- 2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4

Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục trang bị bảo hộ lao động ghi “theo yêu cầu công việc cụ thể” là không đúng quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Chưa tổ chức đối thoại khi xây dựng thang lương, bảng lương là không đúng quy định tại Điều 41 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.4. Huy động 65 người lao động làm thêm giờ vượt quá 40 giờ/tháng là không đúng quy định tại Điều 107 Bộ luật Lao động.

2.5. Khoản 3 Điều 16 nội quy lao động quy định: “nơi làm việc do phân công của người sử dụng lao động” là không phù hợp với nội dung hợp đồng lao động quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động và Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.6. Chưa hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.8. Sổ khám sức khỏe định kỳ không có ảnh của người lao động, không có chữ ký của người lập sổ theo Mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết Luật Khám chữa bệnh.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-XPHC ngày 04/10/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp do huy động 65 người lao động làm thêm giờ quá quy định, số tiền xử phạt là 60.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 34/QĐ-XPHC ngày 04/10/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính nêu tại Mục IV.

2. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.3, 2.7 và 2.8 khi có phát sinh.
- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các kiến nghị nêu tại phần IV Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/11/2024./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM THÊM GIỜ
VƯỢT QUÁ SỐ GIỜ QUY ĐỊNH**

Stt	Họ tên	Số giờ làm thêm trong tháng 4/2024
1	Lê Thị Huỳnh Như	51,5
2	Võ Ngọc Đây Em	67,5
3	Nguyễn Thị Tuyết Kiều	58,5
4	Lê Phong Phú	60,0
5	Ngô Minh Thắng	50,0
6	Võ Bảo An	67,5
7	Phạm Minh Tín	86,0
8	Trần Trung Diện	60,0
9	Nguyễn Học Sĩ	78,0
10	Nguyễn Đình Lưu	84,0
11	Nguyễn Bá Phong	65,0
12	Lê Văn Tín	43,5
13	Trần Thị Hương	60,0
14	Huỳnh Văn Vũ	57,0
15	Trương Thị Thu	59,0
16	Nguyễn Thị Vinh	54,0
17	Đào Minh	46,5
18	Chau Rết	68,5
19	Huỳnh Văn Luân	56,0
20	Đào Quốc	41,0
21	Đào Thị Vàng	49,0
22	Nguyễn Thị Xuân	54,0
23	Kim Sa Đi	83,0
24	Lê Thị Lành	83,0
25	Lê Thị Nhanh	42,0
26	Ngô Quang Huy	57,5
27	Nguyễn Thị Tuyết Nghĩa	45,0
28	Nguyễn Đăng Nghĩa	55,5
29	Sơn Thanh Phương	48,5
30	Nguyễn Hoàng Em	55,0
31	Thạch Thị Đình	48,0
32	Đào Lâm Hoàng Nhuận	42,5
33	Kim Viễn	51,0
34	Bùi Hữu Nguyên	58,5
35	Võ Vũ Trường	40,5
36	Nguyễn Thị Hồng Nhó	45,0



h

37	Lê Thị Thu Phương	44,5
38	Đặng Thị Vân	51,0
39	Huỳnh Thị Mỹ Nhung	42,0
40	Nguyễn Thị Kiều Oanh	58,0
41	Nguyễn Thanh Thái	43,0
42	Lê Thị Ước	59,5
43	Danh Quý	58,0
44	Nguyễn Văn Vũ	83,0
45	Lê Thị Danh	83,0
46	Đào Huỳnh Cao	44,5
47	Nguyễn Trọng Khải	48,0
48	Cao Văn Tới	56,5
49	Nguyễn Xuân Tuấn	46,5
50	Nguyễn Thanh Sang	55,0
51	Thái Thị Mừng	57,0
52	Nguyễn Thị Tuyết Nghi	55,0
53	Hồ Văn Dỡ	50,0
54	Hồ Thư Hoàng	50,0
55	Lê Minh Thành	58,0
56	Phan Thị Hồng Nga	54,5
57	Nguyễn Nhật Toàn	55,0
58	Phan Minh Nhí	57,0
59	Trần Thị Kim Anh	57,0
60	Lê Trọng Quang	44,0
61	Thạch Quan	45,5
62	Nguyễn Thị Hiếu	58,5
63	Nguyễn Văn Phi	42,5
64	Nguyễn Hữu Phước	55,5
65	Trần Ngọc Phương	54,0

VIỆT NAM
VIỆT NAM

h